

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **121/2020/DS-ST**

Ngày: 23/06/2020.

**V/v tranh chấp: hợp đồng vay
tài sản.**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Bình

2. Ông Nguyễn Văn Thắng

Thư ký phiên tòa: bà **Phan Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây: không tham gia phiên tòa

Trong ngày 23 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2020/TLST-DS ngày 12/03/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐST-DS ngày 22/05/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-DS ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **PHẠM THỊ H** – sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

Ủy quyền cho bà **Trần Thị Kim P** - sinh năm 1987

Địa chỉ: khu phố *, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Theo giấy ủy quyền số chứng thực 104 quyền số 03 SCT/CK, CD ngày 09/3/2020

2. Bị đơn: **TRẦN QUỐC S** – sinh năm 1974;

Địa chỉ: khu phố *, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

(Bà P xin vắng mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: bà và ông Trần Quốc S có quen biết nhau, do cần tiền để xoay sở công việc riêng nên ông S có vay tiền của bà cụ thể: ngày 22/6/2018 vay 10.000.000 đồng; ngày 17/7/2018 vay 12.500.000 đồng. Ông S đã nhận đủ tiền vay, không tính lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả dứt điểm số tiền vay là ngày 30/8/2018 và đều có lập biên nhận có chữ ký của ông S. Quá trình thực hiện hợp đồng ông S không trả tiền cho bà như thỏa thuận, bà có yêu cầu nhiều lần nhưng ông S cứ hứa hẹn. Hiện ông S còn nợ lại bà số tiền 22.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả. Nay bà yêu cầu ông S trả lại bà số tiền vốn là 22.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/9/2018 đến ngày tòa xét xử với mức lãi suất là 0,83% (tạm tính đến ngày 01/3/2020 là 17 tháng thành tiền là 3.174.750 đồng), yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Trần Quốc S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông S nhưng ông S không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên Tòa hôm nay

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Kim P có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu ông Trần Quốc S trả lại bà H số tiền vay là 22.500.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 01/9/2018 đến ngày khởi kiện là ngày 01/3/2020 là 17 tháng với mức lãi suất 0,83% thành tiền là 3.174.750 đồng, yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Quốc S vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp "hợp đồng vay tài sản".

[1] Xét đại diện của nguyên đơn là bà Trần Thị Kim P có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà P.

[2] Xét bị đơn ông Trần Quốc S đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông S.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H là có cơ sở: vì bà H có cho ông Trần Quốc S vay 02 lần tiền vào ngày 22/6/2018 vay 10.000.000 đồng, ngày 17/7/2018 vay 12.500.000 đồng, với tổng số tiền là 22.500.000 đồng, với thời hạn là ngày 30/8/2018 trả. Sau khi đến hạn trả tiền nhưng ông S không trả tiền cho bà H số tiền nào cả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà H cung cấp 02 tờ biên nhận "giấy mượn tiền" có chữ viết và chữ ký của ông S. Do đó có đủ cơ sở để xác định giữa bà H và ông S đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015,

phía ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên cần buộc ông S có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 22.500.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: bà H yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 01/9/2018 đến ngày khởi kiện là ngày 01/3/2020 là 17 tháng với mức lãi suất 0,83% thành tiền là 3.174.750 đồng. Xét yêu cầu này của bà H là có cơ sở vì ông S chậm thực hiện nghĩa vụ của mình đối với bà H nên ông S phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, và lãi suất do bà H và ông S không thỏa thuận lãi suất nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu này của bà H phù hợp với Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[5] Về thời gian trả: bà H yêu cầu ông S trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền này ông S để kéo dài không trả cho bà H đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H, nên cần buộc ông S trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều Điều 175, 177, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 275, 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H

Buộc ông Trần Quốc S có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị H số tiền vốn vay là **22.500.000** đồng và tiền lãi là **3.174.750** đồng, tổng cộng là **25.674.750** đồng (hai mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Trần Quốc S phải chịu **1.283.700** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Phạm Thị H **642.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0016413 ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh